

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ DĨ AN  
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 87/2021/HNGĐ-ST  
Ngày 09- 11-2021  
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ DĨ AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngân

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thị Thúy Lan.

Bà Nguyễn Thị Bửu Huệ.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Phạm Anh Ly - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:** Ông Trần Văn Luân - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 11 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 107/2021/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 03 năm 2021 về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 81/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/7/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 88/2021/QĐST-HNGĐ ngày 16/8/2021, Thông báo mở lại phiên tòa số 107/2021/TB-TA ngày 11/10/2021 giữa các đương sự:

**-Nguyên đơn:** Anh Trần Quốc L, sinh năm 1986; thường trú: Thôn P, xã H, huyện PH, tỉnh P. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**-Bị đơn:** Chị Nguyễn Thị Hồng Đ, sinh năm 1982; thường trú: 22/8 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**- Tại đơn khởi kiện đề ngày 22 tháng 02 năm 2021 và lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn anh Trần Quốc L trình bày:**

Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc L và Chị Nguyễn Thị Hồng Đ tự nguyện yêu nhau, được hai bên gia đình chấp nhận, có tổ chức lễ cưới và đăng

ký kết hôn tại UBND phường Đ, thành phố D, tỉnh B theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/2010, quyển số 01, ngày 26/10/2010.

Sau khi kết hôn anh chị chung sống với gia đình chị Đ tại địa chỉ: 22/8 khu phố T, phường Đ, thành phố D, tỉnh B. Anh chị chung sống hạnh phúc được đến khoảng năm 2011 thì phát sinh mâu thuẫn và trầm trọng do bất đồng quan điểm, không phù hợp về tính cách nên thường xuyên xảy ra cãi vã, vợ chồng không có sự chia sẻ, đồng cảm.

Nhận thấy cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh L yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với chị Đ.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/6/2012. Sau khi ly hôn anh L giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng. Anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 (năm triệu) đồng/tháng cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Tại bản tự khai ngày 03/11/2021, bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ trình bày:*

Chị thống nhất với lời trình bày của anh L về quá trình tìm hiểu nhau, đăng ký kết hôn. Trước đây anh chị sống chung, sau đó do có phát sinh mâu thuẫn với gia đình vợ nên anh L ra ngoài sống riêng, vợ chồng vẫn qua lại, đến năm 2021 thì ly thân cho đến nay. Nay thực tế vợ chồng tôi không còn sống chung và cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc nên anh L yêu cầu ly hôn thì chị đồng ý.

Về con chung: Thống nhất vợ chồng chị có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/06/2012, hiện đang sống với chị. Sau khi ly hôn chị Đ đồng ý trực tiếp nuôi dưỡng con chung và anh L cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu) đồng/ tháng.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Biên bản xác minh ngày 29/03/2021 tại Hội Liên hiệp phụ nữ phường Đ thể hiện:* Hội liên hiệp phụ nữ phường không nhận được đơn đề nghị hòa giải cơ sở về quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Hồng Đ và anh Trần Quốc L, đồng thời Hội cũng không tiếp nhận phản ánh từ cơ sở về mâu thuẫn giữa hai anh chị, do đó không biết rõ mâu thuẫn và vấn đề chăm sóc nuôi dạy con chung của hai anh chị.

- Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An tham gia phiên tòa:

Quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành đúng pháp luật về tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Căn cứ các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về sự vắng mặt của các đương sự: Nguyên đơn anh Trần Quốc L và bị đơn chị Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết vắng mặt. Căn cứ Điều 238 Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh L và chị Đ.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc L và chị Nguyễn Thị Hồng Đ là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/2010, quyển số 01 do Ủy ban nhân dân phường Đông Hòa, thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương cấp ngày 26/10/2010 nên là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Xét thấy, mục đích của hôn nhân là nhằm xây dựng gia đình no ấm, bình đẳng, hạnh phúc. Để đạt được mục đích đó vợ chồng phải thương yêu, quý trọng, chăm sóc, giúp đỡ và tạo điều kiện cho nhau phát triển về mọi mặt. Anh L và chị Đ đều thống nhất trình bày sau khi kết hôn và sinh sống hạnh phúc một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Anh L cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm, vợ chồng không có sự chia sẻ, đồng cảm trong cuộc sống. Chị Đ thừa nhận anh chị đã sống riêng đã lâu, ly thân từ năm 2021, cuộc sống hôn nhân hiện tại của anh chị không hạnh phúc. Quá trình tố tụng Tòa án đã tổ chức các buổi hòa giải để hàn gắn mối quan hệ hôn nhân cho hai anh chị tuy nhiên anh L có đơn từ chối hòa giải, chị Đ vắng mặt. Tại phiên tòa các đương sự cũng đều vắng mặt, thống nhất yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Như vậy, chứng tỏ tình cảm vợ chồng anh chị không thể hàn gắn, mục đích của cuộc hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài, yêu cầu ly hôn của Anh L là có căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống anh L và chị Đ có 01 con chung là Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/06/2012, hiện đang sống chung với chị Đ. Sau khi ly hôn anh L đề nghị giao con chung cho chị Đ trực tiếp nuôi dưỡng, chị Đ cũng thống nhất ý kiến của anh L. Do đó, xét thấy giao con chung cho chị Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp, đảm bảo cho sự phát triển về mọi mặt của con chung. Về cấp dưỡng nuôi con: Anh L tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung 5.000.000 đồng/tháng. Xét đây là nghĩa vụ của cha, mẹ đối với con chung trong trường hợp không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình. Mức cấp dưỡng 5.000.000 đồng/tháng cũng phù hợp với chi phí trung bình tại địa phương và được chị Đ chấp nhận. Do đó, có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh L về con chung. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

[4] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không giải quyết.

[5] Từ những phân tích trên, có căn cứ chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Dĩ An là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc L phải chịu án phí ly hôn và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147 và các Điều 238, 266, 271 và 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 51, 56, 58, 70, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần Quốc L đối với chị Nguyễn Thị Hồng Đ về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con.

- Về quan hệ hôn nhân: Anh Trần Quốc L được ly hôn với chị Nguyễn Thị Hồng Đ (Giấy chứng nhận kết hôn số 181/KH/2010, quyền số 01 do Ủy ban nhân dân phường Đ, thành phố D, tỉnh B cấp ngày 26/10/2010).

- Về con chung: Anh Trần Quốc L giao con chung là Trần Ngọc Khánh V, sinh ngày 17/06/2012 cho chị Nguyễn Thị Hồng Đ tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh Trần Quốc L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con 5.000.000 (năm triệu đồng) đồng/tháng. Việc cấp dưỡng nuôi con được thực hiện từ khi Bản án của Tòa án có hiệu lực pháp luật cho đến khi con chung đủ 18 tuổi.

Sau ly hôn, của anh Trần Quốc L và chị Nguyễn Thị Hồng Đ đều có quyền chăm sóc, thăm nom, giáo dục con, không ai có quyền cản trở anh, chị thực hiện quyền này. Trường hợp anh L lạm dụng việc đi lại, thăm nom con gây ảnh hưởng xấu đến việc nuôi con thì chị Đ có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của anh L theo quy định của pháp luật. Vì lợi ích về mọi mặt của con khi một hoặc cả hai bên đương sự có yêu cầu, Tòa án sẽ quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và việc cấp dưỡng.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị Hồng Đ có đơn yêu cầu thi hành án nếu anh Trần Quốc L không thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con thì hàng tháng anh Trần Quốc L phải chịu tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

- Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản (nợ chung): Các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh Trần Quốc L phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí ly hôn và 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí cấp dưỡng, được khấu trừ 300.000 (ba trăm nghìn) đồng vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số 0049389 ngày 02 tháng 03 năm 2021 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Dĩ An, tỉnh Bình Dương. Anh Trần Quốc L còn phải nộp 300.000 (ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Dĩ An;
- Chi cục THADS thành phố Dĩ An;
- UBND phường Đ;
- Đương sự;
- Lưu: VP, HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Thị Ngân**